**TIẾT 14+15 - BÀI 8: DẤU HIỆU CHIA HẾT CHO 3, CHO 9**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

***-*** Phát biểu được dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9.

- Nhận biết một số chia hết cho 3 và 9.

**2. Năng lực**

**- Năng lực riêng:**

+ Vận dụng được các dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 trong giải quyết vấn đề toán học và trong tình huống thực tiễn.

**- Năng lực chung:** Năng lực tư duy và lập luận toán học; mô hình hóa toán học, sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

**3. Phẩm chất**

**- Phẩm chất:** Bồi dưỡng hứng thú học tập, ý thức làm việc nhóm, ý thức tìm tòi, khám phá và sáng tạo cho HS => độc lập, tự tin và tự chủ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** Bài giảng, SGK, tài liệu giáo án.

**2 - HS** : SGK, đồ dùng học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**  **Mục tiêu:**  + Gây hứng thú và gợi động cơ học tập cho HS.  + Gợi mở vấn đề sẽ được học trong bài.  **Sản phẩm:** Từ bài toánHS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **Tổ chức thực hiện:** HS chú ý lắng nghe và thực hiện yêu cầu. | | | | | | | |
| **+** GV đặt vấn đề qua bài toán: “Tìm số dư của phép chia 27 009 cho 3 và cho 9?”.  + GV hỏi thêm: “Một số chia hết cho 3 thì có chia hết cho 9 không?”  GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét.  GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Làm thế nào để biết một số có chia hết cho 3, cho 9 hay không mà không cần thực hiện phép chia. Và một số chia hết cho 3 có chia hết cho 9 không?” => Bài mới. | | | | HS trả lời  HS hoàn thành bài toán ra nháp. | | |  |
| **B.** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **Hoạt động 1: Dấu hiệu chia hết cho 9.**  **Mục tiêu:**  + HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 9.  + Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).  **Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **Tổ chức thực hiện:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. | | | | | | | |
| - GV cho HS đọc hiểu **HĐKP1**, trao đổi, thảo luận hoàn thành **HĐKP1.**  - GV chốt lại đáp án: Khẳng định của bạn An hợp lí và có thể làm tương tự cho các số khác.  - GV nhận xét, rút ra **Dấu hiệu chia hết cho 9.**  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu **Dấu hiệu chia hết cho 9.**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 1**.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.    GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 9 . | | HS đọc hiểu **HĐKP1**, trao đổi, thảo luận hoàn thành **HĐKP1.**  HS đọc, phát biểu **Dấu hiệu chia hết cho 9.**  HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 1**.  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau. | | | **1. Dấu hiệu chia hết cho 9.**  **HĐKP1:**  Khẳng định của An là đúng. Vì mọi số đều viết được dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 9.  *Nhận xét:* Mọi số đều viết dưới dạng tổng các chữ số của nó cộng với một số chia hết cho 9.  **Dấu hiệu chia hết cho 9:**  Các số có tổng các chữ số chia hết cho 9 thì **chia hết cho 9** và chỉ những số đó mới chia hết cho 9.  **Thực hành 1:**  **a)** 245 có 2 + 4 + 5 = 11 ⋮̸ 9 nên 245 ⋮̸ 9      9 087 có 9 + 0 + 8 + 7 = 24 ⋮̸ 9 nên 9 087 ⋮̸ 9      398 có 3 + 9 + 6 = 18 ⋮ 9 nên 398 ⋮ 9      531 có 5 + 3 + 1 = 9 ⋮ 9 nên 531 ⋮ 9  Vậy các số 398, 531 chia hết cho 9.  **b)** Hai số chia hết cho 9 là 936, 18       Hai số không chia hết cho 9 là 987, 192. | | |
| **Hoạt động 2: Dấu hiệu chia hết cho 3.**  **Mục tiêu:**  + HS nhận ra được dấu hiệu chia hết cho 3.  + Củng cố vận dụng dấu hiệu chia hết kết hợp tính chất chia hết của một tổng (hiệu).  **Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **Tổ chức thực hiện:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV. | | | | | | | |
| - GV dẫn dắt, phân tích cho HS đọc hiểu nội dung trong SGK rồi rút ra nhận xét.- GV cho HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành **HĐKP2.**  - GV nhận xét, rút ra **Dấu hiệu chia hết cho 3.**  - GV cho 1 vài HS đọc, phát biểu **Dấu hiệu chia hết cho 3.**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 2**.  + GV: quan sát và trợ giúp HS.  GV chính xác hóa và gọi 1 học sinh nhắc lại nội dung chính: Dấu hiệu chia hết cho 3 . | | HS đọc hiểu nội dung trong SGK rồi rút ra nhận xét.  HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành **HĐKP2.**  HS đọc, phát biểu **Dấu hiệu chia hết cho 3.**  HS thảo luận nhóm, thực hiện **Thực hành 2**.  + HS chú ý lắng nghe, tìm hiểu nội thông qua việc thực hiện yêu cầu của GV.  +HS: Chú ý, thảo luận và phát biểu, nhận xét và bổ sung cho nhau. | | | | **2. Dấu hiệu chia hết cho 3.**  **HĐKP2:**  315 = 3 . 100 + 1 . 10 + 5         = 3.(99 + 1) + 1.(9 + 1) + 5         = 3.99 + 3 + 9 + 1 + 5         = (3 +1+5) + (3.3.11 + 3) . 3  418 = 4 . 100 + 1 . 10 + 8         = 4 . (99 + 1) + 1 . (9 + 1) + 8         = 4 . 99 + 4 + 9 + 1 + 8         = (4 +1+8) + (4 .3 .11 + 3) . 3  **Dấu hiệu chia hết cho 3:**  Các số có tổng các chữ số chia hết cho 3 thì chia hết cho 3 và chỉ những số đó mới chia hết cho 3.  **Thực hành 2:**  Trong hai số 315 và 418 thì số 315 chia hết cho 3.  Vì số 315 có 3 + 1 +5 = 9 chia hết cho 3. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức thông qua một số bài tập.  **Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **Tổ chức thực hiện:** HS dựa vào kiến thức đã học vận dụng làm BT | | | | | | | |
| - *GV yêu cầu HS hoàn thành các bài tập* **Bài 1 + 2 (***SGK – tr27)*  **-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.* | | *- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án* | **Bài 1 :a)** 1 + 1 + 7 = 9 ⋮ 9 nên 117 ⋮ 9      3 + 4  + 4 + 7 = 18 ⋮ 9 nên 3 447 ⋮ 9      5 + 0  + 8 + 5 = 18 ⋮ 9 nên 5 085 ⋮ 9      5 + 3  + 4 = 12  ⋮̸ 9 nên 534  ⋮̸ 9;      1 + 2  + 3 = 6  ⋮̸ 9 nên 123  ⋮̸ 9  **A** = {117, 3 447, 5 085}.  **b)**    5 + 3  + 4 = 12 ⋮ 3 nhưng 12  ⋮̸ 9 nên 534 ⋮ 3 và 534  ⋮̸ 9; 1 + 2  + 3 = 6 ⋮ 3 nhưng 6  ⋮̸ 9 nên 123 ⋮ 3 và 534  ⋮̸ 9.   **B** = {534, 123}.  **Bài 2: a)** 1 + 2 + 0 + 6 = 9 ; 9 ⋮ 3 nên 1 206 ⋮ 3; 9 ⋮ 9 nên 1 206 ⋮ 9     5 + 3 + 0 + 6 = 14 ; 14  ⋮̸ 3 nên 5036  ⋮̸ 3; + 14  ⋮̸ 9 nên 5036  ⋮̸ 9  - Vì 1 206 ⋮ 3 và 5 306  ⋮̸ 3 nên 1 206 + 5 306  ⋮̸**3.**  - Vì 1 206 ⋮ 9 và 5 306  ⋮̸ 9 nên 1 206 + 5 306 ⋮̸**9.**  **b)** 4 + 3 + 6 = 13  ;  + 13  ⋮̸ 3 nên 436  ⋮̸ 3; + 13  ⋮̸ 9 nên 436  ⋮̸ 9      3 + 2 + 4 = 9 ; 9 ⋮ 3 nên 324 ⋮ 3; + 9 ⋮ 9 nên 324 ⋮ 9  - Vì 436  ⋮̸ 3 và 324 ⋮ 3 nên 436 – 324  ⋮̸**3.**  - Vì 436  ⋮̸ 9 và 324 ⋮ 9 nên 436 – 324  ⋮̸**9.**  **c)** 2 . 3 . 4 . 6 ⋮ 3     2 . 3 . 4 . 6 = 2 . 4 . 18 ⋮ 9;  2 + 7 = 9 ; 9 ⋮ 3 nên 27 ⋮ 3  + 9 ⋮ 9 nên 27 ⋮ 9  - Vì 2 . 3 . 4 . 6 ⋮ 3 và 27 ⋮ 3 nên 2 . 3 . 4 . 6 + 27 ⋮**3.**  - Vì 2 . 3 . 4 . 6 ⋮ 9 và 27 ⋮ 9 nên 2 . 3 . 4 . 6 + 27 ⋮**9.** | | | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế đời sống.  **Sản phẩm:** Kết quả của HS.  **Tổ chức thực hiện:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập. | | | | | | | |
| *- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vận dụng :* **Bài 3**  **-** *GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.* | *HS tiếp nhận nhiệm vụ, thảo luận đưa ra đáp án* | **Bài 3:**  **a)** 2 + 0 + 3 = 5 ⋮̸ 3 => 203 ⋮̸ 3.      1 + 2 + 7 = 10 ⋮̸ 3 nên 203 ⋮̸ 3.      9 + 7 = 16 ⋮̸ 3 nên 203 ⋮̸ 3.      1 + 7 + 3 = 11 ⋮̸ 3 nên 203 ⋮̸ 3.  ***=> Không thể chia số bi trong mỗi hộp thành 3 phần bằng nhau được.***  **b)** Tổng số bi là: 203 + 127 + 97+ 173 = 600  Nếu Tuấn rủ thêm 2 bạn cùng chơi thì tổng số người chơi là 3 người.  Ta có: 6 + 0 + 0 = 6 chia hết cho 3 nên số 600 chia hết cho 3 => 600 viên bi chia đều cho 3 người.  ***=> Nếu Tuấn rủ thêm 2 bạn cùng chơi bi thì có thể chia đều tổng số bi cho mỗi người.***  **c)** Nếu Tuấn rủ thêm 2 bạn cùng chơi thì tổng số người chơi là 9 người.  Ta có: 6 + 0 + 0 = 6 không chia hết cho 9 nên số 600 không chia hết cho 9 => 600 viên bi không thể chia đều cho 9 người.  ***=> Nếu Tuấn rủ thêm 8 bạn cùng chơi bi thì không thể chia đều tổng số bi cho mỗi người.*** | | | | | |

**\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC.**

**a/Bài vừa học :**

- Ghi nhớ và học thuộc các dấu hiệu chia hết cho 9 và 3.

- Hoàn thành nốt các bài tập còn thiếu trên lớp và làm thêm **Bài 2 + 4 – tr23/SBT**

**b/Bài sắp học:** “**Ước và bội**”.